

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK9+BK10+TD2	7:25	0+0+13	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 7 bk9- bk10
2		TD5+TD3+TD5	7:25	15+2+0	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 6 td5- td3
3		GTCl+BK16+CLO	7:25	0+0+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 GTCl BK16
4		TD3+VSP02	9:25	15+0	0+0		18+4	0+0	chuyen 2 td3- vp02
5		BK4 TD1+P5+BK4	9:25	16+0+0	0+0+0		13+7+2	0+0+0	
6		P9+P11+P7	9:25	0+19+0	0+0+0		3+15+4	0+0+0	chuyen 1 p9- p11
7		P8+CLO+BK8	12:00	5+3+1	0+0+0		0+2+19	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 ng Td2 ve đi P8



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK9 - BK10 - TD2	CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0486	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VIỆT DŨNG	TD2	36	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGỌC DŨNG	TD2	27	1	8			80	KHOAN	Vietnamese
3	VUÔNG ĐÌNH LIÊN	TD2	24	1	3			61	KHOAN	Vietnamese
4	LY ANH TUẤN*	TD2	25	1	4			88	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	TD2	26	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN CƯỜNG	TD2	23	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ THANH TUẤN	TD2	32	1	7			92	KHOAN	Vietnamese
8	CAO VĂN LỢI	TD2	29	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VINH TÍNH	TD2	28	1	4			54	KHOAN	Vietnamese
10	BUI NGỌC ĐỖ	TD2	30-31	2	8			71	ANTOAN	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN TRUNG	TD2	34	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ THANH NHẬT	TD2	33	1	12			78	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN THÔNG	TD2	35	1	4			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 7 PAX BK9-BK10	
2	BK10	0	0	0	0	3	50	0		
3	TD2	13	951	14	73	0	0	22		
TOTAL		13	951	14	73	3	50	22		
WEIGHT KG			951		73		50			

GRAND TOAL: 1.074 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD5 - TD3 - TD5.	CREW: KHOAN - TTRUNG - HIẾU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0489	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	DAVYDOV DANIL	TD5	69	1	5			72	KHOAN	Russian
2	CHUSH MAKSIM	TD5	68	1	6			98	KHOAN	Russian
3	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	63	1	2			62	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH VĂN SỰ	TD5						84	KHOAN	Vietnamese
5	VY HUNG CUONG	TD5	62	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
6	HA QUỐC DUNG	TD5	57	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
7	LUU VAN MANH	TD5	66	1	4			57	KHOAN	Vietnamese
8	HA VAN PHUC	TD5	60	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TRỌNG NGHĨA	TD5	59	1	6			83	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG LINH	TD5	65	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HONG THAI	TD5	67	1	10			64	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	58	1	13			80	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ VĂN ANH	TD5						72	PSV	Vietnamese
14	ĐÀO XUÂN THO	TD5	64	1	8			70	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HANH	TD5	61	1	7			59	PSV	Vietnamese
16	ROZGON A. L.	TD3	47	1	4			100	D-HANH	Russian
17	BUI HUU VUNG	TD3	48	1	6			93	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	15	1.100	13	84	0	0	0		CHUYEN 6 PAX TD5-TD3
2	TD3	2	193	2	10	0	0	0		
3	TD5.	0	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		17	1.293	15	94	0	0	22		
WEIGHT KG			1.293		94		0			

GRAND TOAL: 1.387 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:GTC1 - BK16 - CLO	CREW: ĐỨC - HỮC - ĐANG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0491	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG VAN HUNG	CLO	76	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
2	BUI ĐỨC LUAN	CLO	73	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG THANH	CLO	80	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	77	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	85	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUY THAI	CLO	71	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	78	1	2			66	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC HAI	CLO	86	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN KIM HUNG	CLO	79	1	9			74	KHOAN	Vietnamese
10	TRƯƠNG VĂN THỌ	CLO	84	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
11	TÔ TUẤN DUY	CLO	83	1	15			108	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN CÔNG PHU	CLO	75	1	5			83	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HUNG	CLO	82	1	5	2	40	75	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN QUANG HIẾN	CLO	74	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN GIN	CLO	88	1	10			68	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC THĂNG	CLO	87	1	12			59	KHOAN	Vietnamese
17	TẠ HẬU THĂNG	CLO	89-90	2	9	2	50	72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	0	0	0	0	2	30	0	2	CHUYỂN 2 PAX TỪ GTC1 SANG BK16
2	BK16	0	0	0	0	2	30	0		
3	CLO	17	1.273	18	119	4	90	22		
TOTAL		17	1.273	18	119	8	150	22		
WEIGHT KG			1.273		119		150			

GRAND TOAL: 1.542 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC
HOÀNG ANH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: NAU-2	TO: TD3 - VSP02	CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0487	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LUU VAN SON	TD3	01	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
2	NGO VAN KIEM	TD3	06	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
3	DO THANH HAI	TD3	03	1	7			104	KHOAN	Vietnamese
4	VU TOAN THANG	TD3	02	1	10			77	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN HAI NAM	TD3						70	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN MINH THANG	TD3	05	1	3			122	KHOAN	Vietnamese
7	FIRSOV EVGENII	TD3	13	1	8			106	KHOAN	Russian
8	PHAM TIEN CHUNG	TD3	04	1	3			94	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN CAO HOANG	TD3	15	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN NAM CUONG*	TD3	07-08	2	14			85	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM DINH BAO	TD3	16	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
12	ĐANG VAN KHOA	TD3	12	1	14			66	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN GIANG	TD3	09	1	6			72	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN TUAN HAI*	TD3	11	1	6			60	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG MINH	TD3	10	1	10			87	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	15	1.212	15	99	0	0	18		CHUYEN 2 PAX TD3-VSP02
2	VSP02	0	0	0	0	1	15	4		
TOTAL		15	1.212	15	99	1	15	22		
WEIGHT KG			1.212		99		15			

GRAND TOAL: 1.326 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: BK4 - TD1 - P5	CREW: KHOAN - TTRUNG - HIẾU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0490	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ZHARIKOV V. A.	TD1	19	1	15			74	KHOAN	Russian
2	PHAN VIỆT HUNG	TD1	14	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1						68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	12	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
5	MAI XUÂN ỨNG	TD1	30	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VŨ NHẬT QUANG	TD1	320,613	2	19			65	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ MẠNH HẢI	TD1	11	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUANG SANG	TD1	13	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ ĐỨC TUNG	TD1	17	1	5			78	YTE	Vietnamese
10	HOANG VĂN MINH	TD1	18	1	2			68	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG XUAN THI	TD1	20	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM TIẾN VINH	TD1	99	1	13			84	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ THANH CÔNG	TD1	87	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TRIỆT	TD1	15	1	8			69	DVL	Vietnamese
15	NGO TRI HOANG	TD1	86	1	11			64	DVL	Vietnamese
16	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	16	1	2			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK4	0	0	0	0	2	33	2		
2	TD1	16	1.135	16	111	0	0	13		
3	P5	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		16	1.135	16	111	2	33	22		
WEIGHT KG			1.135		111		33			

GRAND TOAL: 1.279 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: CAM-2	TO: P9 - P11 - P7	CREW: ĐỨC - HỮU - ĐANG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/0492	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DƯƠNG ĐIẾP PHI	P11						75	KHOAN	Vietnamese
2	VU VAN DOANH	P11						71	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐÌNH THÀNH	P11	44	1	4			59	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HẬU	P11	52	1	2			72	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN LÊ KIẾN	P11	48	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU NAM	P11	43	1	5			83	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG ĐỨC ANH	P11	45	1	5			88	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	P11	49	1	5			76	ANTOAN	Vietnamese
9	HOANG NHẬT QUANG	P11	46	1	6			56	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HUYNH	P11	53	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY PHÚC	P11	50	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THUẬN	P11	42	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN HOA	P11	40	1	8			82	KHOAN	Vietnamese
14	BUI NGỌC TỬ	P11	47	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
15	VY NGỌC CHU	P11	51	1	9			67	KHOAN	Vietnamese
16	BELAIEV S.	P11	41	1	16			80	KH-THAC	Russian
17	VŨ ANH TUẤN	P11	58	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC KHÔI	P11	54-55	2	19			66	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUANG ĐẠO	P11	56-57	2	19			79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	0	0	0	0	0	0	3	1	CHUYEN 1 PAX P9-P11
2	P11	19	1.361	19	132	0	0	15		
3	P7	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		19	1.361	19	132	0	0	22		
WEIGHT KG			1.361		132		0			

GRAND TOAL: 1.493 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC
HOÀNG ANH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: HONG-3	TO: P8 - CLO - BK8	CREW: QVIỆT - SON - THÀNH	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/0488	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM THÈ QUANG	P8	08	1	14			76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN GIA CUƠNG	P8	11	1	14	1	13	71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	P8	10	1	12			95	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	P8	09	1	15			133	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO DUY NGOC	P8	07	1	12			61	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN TRƯỞNG GIANG	CLO	59-60	2	13	1	20	78	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN BA HUNG	CLO	56	1	7			78	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH THẠNH	CLO	57-58	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
9	MALYGIN E. V.	BK8	07-08	2	15	4	63	92	NOVOMET	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	5	436	5	67	1	13	0		
2	CLO	3	224	5	36	1	20	2		
3	BK8	1	92	2	15	4	63	19		
TOTAL		9	752	12	118	6	96	21		
WEIGHT KG			752		118		96			

GRAND TOAL: 966 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
PHẠM THÁI SON